

Chuyên đề:
CHÍNH SÁCH DÂN TỘC ĐẶC THÙ TRÊN ĐỊA BÀN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

I. MỘT SỐ KHÁI NIỆM

II. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH DÂN TỘC THIỂU SỐ TẠI TP.HỒ CHÍ MINH

III. VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC TẠI TP.HỒ CHÍ MINH

I. MỘT SỐ KHÁI NIỆM

1. Chính sách:

“Chính sách là những chuẩn tắc cụ thể để thực hiện đường lối, nhiệm vụ. Chính sách được thực hiện trong một thời gian nhất định, trên những lĩnh vực cụ thể nào đó. Bản chất, nội dung và phương hướng của chính sách tùy thuộc vào tính chất của đường lối, nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa...”.

Theo James Anderson: “Chính sách là một quá trình hành động có mục đích theo đuổi bởi một hoặc nhiều chủ thể trong việc giải quyết các vấn đề mà họ quan tâm”.

Như vậy, có thể hiểu: Chính sách là chương trình hành động do các nhà lãnh đạo hay nhà quản lý đề ra để giải quyết một vấn đề nào đó thuộc phạm vi thẩm quyền của mình.

Chính sách công: Những chính sách do các cơ quan hay các cấp chính quyền trong bộ máy nhà nước ban hành nhằm giải quyết những vấn đề có tính cộng đồng được gọi là chính sách công. Cho đến nay có nhiều quan điểm về khái niệm này:

William Jenkin cho rằng: “Chính sách công là một tập hợp các quyết định có liên quan lẫn nhau của một nhà chính trị hay một nhóm nhà chính trị gắn liền với việc lựa chọn các mục tiêu và các giải pháp để đạt được các mục tiêu đó”. Theo quan điểm của William N. Dunn thì: “Chính sách công là một kết hợp phức tạp những sự lựa chọn liên quan lẫn nhau, bao gồm cả các quyết định không hành động, do các cơ quan nhà nước hay các quan chức nhà nước đề ra”. Còn Peter Aucoin lại khẳng định: “Chính sách công bao gồm các hoạt động thực tế do Chính phủ tiến hành”, B. Guy Peter đưa ra định nghĩa: “Chính sách công là toàn bộ các hoạt động của Nhà nước có ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp đến cuộc sống của mọi công dân”,...

Giáo trình chính sách kinh tế – xã hội, các tác giả đưa ra định nghĩa: “Chính sách kinh tế -xã hội là tổng thể các quan điểm, tư tưởng, các giải pháp và công cụ mà Nhà nước sử dụng để tác động lên các đối tượng và khách thể quản lý nhằm giải quyết vấn đề chính sách, thực hiện những mục tiêu nhất định theo định hướng mục tiêu tổng thể của xã hội”.

2. Dân tộc: Dân tộc là một cộng đồng nhân dân (people) ổn định được phát triển trong lịch sử, với một lãnh thổ riêng, với một nền kinh tế thống nhất, với các đặc trưng văn hóa thống nhất, cùng có tiếng mẹ đẻ thống nhất và được chỉ đạo bởi một nhà nước.

Ba tiêu chí để xác định dân tộc/tộc người, được thống nhất sử dụng:

- (1). Có chung tiếng nói (ngôn ngữ mẹ đẻ);
- (2). Có chung những đặc điểm sinh hoạt văn hóa (đặc trưng văn hóa);
- (3). Có cùng ý thức tự giác, tự nhận cùng một dân tộc.

* “Dân tộc thiểu số” là những dân tộc có số dân ít hơn so với dân tộc đa số trên phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

* “Dân tộc đa số” là dân tộc có số dân chiếm trên 50% tổng dân số của cả nước, theo điều tra dân số quốc gia.

* “Vùng dân tộc thiểu số” là địa bàn có đông các dân tộc thiểu số cùng sinh sống ổn định thành cộng đồng trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

* “Dân tộc thiểu số rất ít người” là dân tộc có số dân dưới 10.000 người.

3. Công tác dân tộc

Hiện nay, vẫn chưa có một khái niệm đầy đủ, chính xác, thống nhất về công tác dân tộc.

Trong một số tài liệu, công tác dân tộc là việc xây dựng các chủ trương, chính sách về dân tộc, tuyên truyền, vận động, tổ chức hoạt động quản lý nhà nước về lĩnh vực dân tộc nhằm tác động và tạo điều kiện để đồng bào các dân tộc thiểu số cùng phát triển; phát huy sức mạnh đoàn kết dân tộc vào sự nghiệp bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước.

Trong phạm vi chuyên đề này, công tác dân tộc theo nghĩa rộng được hiểu là những hoạt động của cả hệ thống chính trị về lĩnh vực dân tộc, nhằm tác động và tạo điều kiện để đồng bào các dân tộc thiểu số cùng phát triển, thực hiện nguyên tắc “Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển”, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân dân tộc thiểu số.

Dưới góc độ quản lý nhà nước, tại khoản 1, Điều 4 Nghị định số 05/2011/NĐ - CP ngày 14/01/2011 của Chính về công tác dân tộc (sau đây gọi tắt là Nghị định 05/NĐ - CP) giải thích: “Công tác dân tộc” là những hoạt động quản lý nhà nước về lĩnh vực dân tộc nhằm tác động và tạo điều kiện để đồng bào các dân tộc thiểu số cùng phát triển, đảm bảo sự tôn trọng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Điều 21 của Nghị định 05/NĐ - CP quy định nội dung quản lý nhà nước về công tác dân tộc, bao gồm:

Ban hành và chỉ đạo thực hiện chiến lược, chương trình mục tiêu quốc gia, quy hoạch, kế hoạch, chính sách về lĩnh vực công tác dân tộc.

Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về công tác dân tộc; xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách dân tộc, chính sách đặc thù, các chương trình, dự án, đề án phát triển vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn; tiêu chí phân định vùng dân tộc theo trình độ phát triển, tiêu chí xác định thành phần dân tộc, tiêu chí về chuẩn đói nghèo đối với vùng dân tộc thiểu số; xây dựng chính sách đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao dân trí, bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số.

Kiên toàn tổ chức bộ máy cơ quan làm công tác dân tộc từ Trung ương đến cơ sở; thực hiện phân công, phân cấp có hiệu quả trong lĩnh vực công tác dân tộc.

Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho vùng dân tộc thiểu số.

Kiểm tra, thanh tra, sơ kết, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chính sách, chương trình, dự án ở vùng dân tộc thiểu số; việc chấp hành pháp luật về công tác dân tộc, phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác dân tộc theo quy định của pháp luật.

Tuyên truyền, giáo dục chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước bằng nhiều biện pháp, hình thức để đồng bào các dân tộc hiểu rõ và chủ động tham gia vào quá trình thực hiện.

Tuyên truyền về truyền thống đoàn kết của các dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Tổ chức tốt các phong trào tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc trong cộng đồng. Tổ chức hoạt động kết nghĩa giữa các địa phương nhằm tương trợ phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, giải quyết khó khăn trong cuộc sống.

Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, quản lý cán bộ người dân tộc thiểu số trong hệ thống chính trị và cán bộ trong hệ thống cơ quan làm công tác dân tộc.

Xây dựng hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về công tác dân tộc.

Thẩm định các chương trình, dự án, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số.

Nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn tình hình công tác dân tộc, chiến lược công tác dân tộc, chính sách dân tộc, quản lý nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc.

Hợp tác quốc tế về công tác dân tộc, phối hợp với các tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế trong việc nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm về công tác dân tộc; khuyến khích việc giúp đỡ, hỗ trợ đầu tư phát triển vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn thực hiện tốt công tác dân tộc và chính sách dân tộc theo quy định của pháp luật.

4. Chính sách dân tộc

Hiện nay, cũng chưa có một khái niệm đầy đủ, chính xác, thống nhất về “chính sách dân tộc”; có rất nhiều quan niệm khác nhau về chính sách dân tộc.

Trong nhiều tài liệu, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta là một hệ thống các chủ trương, giải pháp, nhằm thực hiện quyền bình đẳng về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội giữa các dân tộc, trong đó có sự quan tâm đến các dân tộc thiểu số có trình độ phát triển kinh tế - xã hội thấp.

Chính sách dân tộc là một trong những hệ thống chính sách của Đảng và Nhà nước nói chung nhằm thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu về công tác dân tộc trong từng thời kỳ cách mạng ở nước ta.

Trong phạm vi chuyên đề này, chính sách dân tộc được hiểu theo nghĩa rộng là sự thể hiện cụ thể đường lối chính trị của Đảng và Nhà nước ta về các vấn đề dân tộc, với nguyên tắc cơ bản là: Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển; được thể hiện qua các Văn kiện, Chỉ thị, Nghị quyết... của Đảng; được cụ thể hóa bằng Hiến pháp và các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước liên quan đến dân tộc thiểu số và phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

Có thể tóm lại: Chính sách dân tộc là một bộ phận của hệ thống chính sách quốc gia, là một vấn đề mang tính chiến lược, có tính tổng hợp các quan điểm, nguyên tắc, giải pháp của Đảng và Nhà nước trên các lĩnh vực trong nhu cầu phát triển của các dân tộc. Mục tiêu, nội dung chính sách dân tộc hướng tới đảm bảo sự bình đẳng, đoàn kết, giúp đỡ nhau cùng phát triển của các dân tộc.

Thực hiện chính sách dân tộc là quá trình đưa chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước vào thực tiễn, đến với người dân nhằm nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho đồng bào các dân tộc; là quá trình cơ quan chức năng triển khai các

nội dung chính sách dân tộc được đề ra, được cụ thể hóa trên lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội và an ninh - quốc phòng, nhằm hướng tới đối tượng hưởng thụ chính sách.

5. Các nguyên tắc cơ bản của công tác dân tộc

1. Thực hiện chính sách dân tộc theo nguyên tắc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển.

2. Đảm bảo và thực hiện chính sách phát triển toàn diện, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số.

3. Đảm bảo việc giữ gìn tiếng nói, chữ viết, bản sắc dân tộc, phát huy những phong tục, tập quán, truyền thống và văn hóa tốt đẹp của mỗi dân tộc.

4. Các dân tộc có trách nhiệm tôn trọng phong tục, tập quán của nhau, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

II. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TP. HỒ CHÍ MINH

1. Đặc điểm chung:

Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị đặc biệt, một trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, đầu mối giao lưu và hội nhập quốc tế, là đầu tàu, động lực, có sức thu hút và sức lan tỏa lớn của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, có vị trí chính trị quan trọng của cả nước. Thành phố cũng là địa phương đa dân tộc, đa văn hóa và đa tôn giáo. Theo kết quả Tổng điều tra dân số năm 2019, Thành phố Hồ Chí Minh có 8.993.082 người với 54 dân tộc, có 53 dân tộc thiểu số với 468.128 người, chiếm tỷ lệ 5,20% dân số của Thành phố. Trong đó, dân tộc Hoa, Khmer, Chăm chiếm đa số, cụ thể: dân tộc Hoa có 382.826 người (tỷ lệ 4,25% dân số của Thành phố); dân tộc Khmer có 50.422 người (tỷ lệ 0,56% dân số của Thành phố); dân tộc Chăm có 10.509 người (tỷ lệ 0,12% dân số của Thành phố), còn lại là dân tộc khác từ Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ đến sinh sống.

Đồng bào Hoa tại Thành phố gồm 5 nhóm ngôn ngữ chính: Quảng Đông, Triều Châu, Phúc Kiến, Hải Nam và Khách Gia. Người Hoa sinh sống ở hầu hết các quận huyện, nhưng tập trung chủ yếu ở khu vực Chợ Lớn. Những năm gần đây, số người Hoa ở các quận nội thành có xu hướng giảm và tăng dần ở các quận ven. Đồng bào dân tộc Hoa có đời sống kinh tế ổn định, có điều kiện phát triển kinh tế, đóng góp quan trọng cho sự phát triển kinh tế Thành phố.

Đồng bào Khmer tại Thành phố có nguồn gốc từ các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long đến Thành phố để mưu sinh. Đồng bào Khmer ở Thành phố hầu hết theo Phật giáo Nam tông sống phân tán trên địa bàn các quận, huyện, một số ít tập trung

gần các cơ sở thờ tự của đồng bào Khmer như: Chùa Candaransi, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3; chùa Pothiwong, Phường 10, quận Tân Bình. Do đời sống xã hội ngày càng phát triển, số lượng đồng bào Khmer tại các quận ven và huyện tăng nhanh những năm gần đây.

Hầu hết đồng bào Chăm tại Thành phố Hồ Chí Minh theo đạo Hồi Islam có nguồn gốc từ tỉnh An Giang, sống tập trung gần các Thánh đường Hồi giáo; có tính cộng đồng cao thể hiện rõ nét trong đời sống văn hóa, trong ma chay, cưới hỏi và trong sinh hoạt tôn giáo. Ngoài ra, còn có một bộ phận đồng bào Chăm từ các tỉnh Bình Thuận, Ninh Thuận đa số là cán bộ, công chức, viên chức đang công tác tại cơ quan văn hóa - nghệ thuật... và số sinh viên đang theo học tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp trên địa bàn Thành phố, số đồng bào Chăm này là tín đồ đạo Bà-la-môn và Bà-ni nên có những sinh hoạt văn hóa - xã hội, tín ngưỡng - tôn giáo có phần khác với đồng bào Chăm theo đạo Hồi Islam tại Thành phố.

Do nhu cầu kinh tế, học tập số lượng đồng bào dân tộc thiểu số Thành phố có xu hướng gia tăng và dịch chuyển, từ nội thành ra các quận vùng ven và ngoại thành, từ các tỉnh miền Tây đến làm ăn sinh sống ở Thành phố, một bộ phận nhỏ đồng bào dân tộc thiểu số đến từ Tây Bắc, Tây Nguyên, cư trú thiếu ổn định, chủ yếu là lao động phổ thông.

2. Đặc điểm về kinh tế

Đồng bào dân tộc thiểu số nắm bắt nhanh thời cơ hội nhập, tích cực phát huy mọi nguồn lực, vốn, tay nghề phát triển sản xuất, kinh doanh trên tất cả lĩnh vực như sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ,... đến nay, đã có 16.896 doanh nghiệp của người dân tộc thiểu số đang sản xuất, kinh doanh trên địa bàn Thành phố, chiếm khoảng 5% tổng số doanh nghiệp toàn Thành phố;

Trong đó, doanh nghiệp người Hoa với 16.244 doanh nghiệp, 305 doanh nghiệp người Khmer Trong đó có 809 công ty, doanh nghiệp người Hoa liên doanh với doanh nghiệp Trung Quốc, Đài Loan.

3. Đặc điểm về tôn giáo, tín ngưỡng:

Đồng bào DTTS có quá trình lịch sử gắn bó lâu đời với thành phố.

Thành phố có 14 Hội quán, 39 đền thờ Họ, 60 đội nhóm văn hóa nghệ thuật; 2 chùa Phật giáo Nam tông của đồng bào Khmer; 16 Thánh đường, Tiểu thánh đường Hồi giáo của đồng bào Chăm...

- Tín ngưỡng của đồng bào Hoa, Khmer, Chăm... Hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo của đồng bào dân tộc đa dạng ...

- Hoạt động văn hóa dân tộc được bảo tồn và phát huy: Ngày văn hóa các dân tộc Việt Nam 19/4, ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc ...

- Các chương trình phát thanh, truyền hình bằng tiếng dân tộc:

STT	TIẾNG	THỜI LƯỢNG	THỜI GIAN	NGÀY THỨ	KÊNH
1	Khmer	25 phút	4g sáng 8g sáng	- Thứ hai đến Chủ nhật - Thứ hai đến thứ bảy	VOH AM 610Khz
2	Chăm	10 phút	12g trưa 16g00 21g 20	- Thứ hai đến chủ nhật - Thứ hai, ba, năm, sáu, bảy, chủ nhật - Thứ hai đến chủ nhật	VOH AM610Khz
3	Quảng Đông	10 phút	13g30	- Thứ hai đến thứ bảy	VOH FM 99,9Mhz
4	Ca khúc tiếng Hoa	20 phút	13g45	- Thứ hai đến thứ bảy	VOH FM 99,9Mhz
5	Tiếng Bắc Kinh	10 phút	14g05	- Thứ hai đến thứ bảy	VOH FM 99,9Mhz

4. Đặc điểm về văn hóa, nghệ thuật, truyền thống:

- Hoạt động của Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Thành phố.
- Hoạt động của Hội bảo trợ dạy và học Hoa văn Thành phố.
- Hoạt động của Câu lạc bộ truyền thống kháng chiến Khôi người Hoa TP.
- Hoạt động của Hội đông y dân tộc.

Nhìn chung, đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn Thành phố ổn định, an tâm lao động và sinh hoạt, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, từng bước hòa nhập vào xu hướng chung của Thành phố. Bên cạnh đó, kế thừa và phát huy truyền thống đoàn kết, cần cù lao động, trải qua 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và cuộc đấu tranh chống Mỹ cứu nước, cũng như trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc luôn góp phần tích cực thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội, giữ gìn an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, góp phần trong sự nghiệp xây dựng và phát triển Thành phố.

III. VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

1. Chính sách hỗ trợ học phí đối với học sinh là người dân tộc thiểu số tại Thành phố Hồ Chí Minh

1.1. Căn cứ

Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách hỗ trợ giáo dục đối với trẻ mầm non, học sinh, học viên cao học và nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số tại Thành phố Hồ Chí Minh kể từ năm học 2022 - 2023.

Quyết định số 1962/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế phối hợp thực hiện Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách hỗ trợ giáo dục đối với trẻ mầm non, học sinh, học viên cao học và nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số tại Thành phố Hồ Chí Minh kể từ năm học 2022 - 2023.

1.2. Đối tượng hỗ trợ

Học sinh dân tộc Chăm và Khmer trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trường chuyên biệt;

Học sinh các dân tộc thiểu số khác thuộc hộ cận nghèo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trường chuyên biệt.

Không áp dụng đối với các trường hợp học tại các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông ngoài công lập có yếu tố nước ngoài.

1.3. Mức hỗ trợ

100% học phí của năm học theo mức thu học phí của năm học do cấp có thẩm quyền ban hành;

Đối với trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông là người dân tộc Chăm, Khmer và học sinh phổ thông là người dân tộc thiểu số khác thuộc hộ cận nghèo học tại các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông ngoài công lập không có yếu tố nước ngoài thì mức hỗ trợ học phí của năm học áp dụng theo mức học phí của trường công lập cùng cấp trên địa bàn.

1.4. Quy trình thực hiện

a) Đối với học sinh dân tộc Chăm, Khmer và học sinh dân tộc thiểu số khác thuộc hộ cận nghèo đang học tại các cơ sở giáo dục công lập:

Vào đầu năm học, cơ sở giáo dục căn cứ hồ sơ nhập học của học sinh:

Đối với học sinh là người dân tộc Chăm, Khmer: Căn cứ vào giấy khai sinh hoặc căn cước công dân/mã định danh cá nhân để xác định và hỗ trợ học phí trực tiếp cho học sinh.

Đối với học sinh là người dân tộc thiểu số khác thuộc diện hộ cận nghèo: Căn cứ vào giấy khai sinh hoặc căn cước công dân/mã định danh cá nhân và giấy xác nhận mã số hộ cận nghèo để xác định và hỗ trợ học phí trực tiếp cho học sinh.

Hiệu trưởng nhà trường có trách nhiệm xác định học sinh được hỗ trợ học phí và lập danh sách học sinh được hỗ trợ học phí gửi Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức và các quận, huyện hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo (theo phân cấp quản lý) để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán kinh phí cấp bù cho cơ sở giáo dục.

b) Đối với học sinh dân tộc Chăm, Khmer và học sinh dân tộc thiểu số khác thuộc hộ cận nghèo đang học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập không có yếu tố nước ngoài:

Vào đầu năm học cơ sở giáo dục căn cứ vào hồ sơ nhập học của học sinh:

Đối với học sinh là người dân tộc Chăm, Khmer: Căn cứ vào giấy khai sinh hoặc căn cước công dân/mã định danh cá nhân để xác định và hỗ trợ học phí trực tiếp cho học sinh theo mức học phí của trường công lập cùng cấp trên địa bàn (trường ngoài công lập chỉ thu phần chênh lệch giữa mức thu học phí của trường và mức học phí của trường công lập cùng cấp trên địa bàn).

Đối với học sinh là người dân tộc thiểu số khác thuộc diện hộ cận nghèo: Căn cứ vào giấy khai sinh hoặc căn cước công dân/mã định danh cá nhân và giấy xác nhận mã số hộ cận nghèo để xác định và hỗ trợ học phí trực tiếp cho học sinh theo mức học phí của trường công lập cùng cấp trên địa bàn (trường ngoài công lập chỉ thu phần chênh lệch giữa mức thu học phí của trường và mức học phí của trường công lập cùng cấp trên địa bàn).

Hiệu trưởng nhà trường có trách nhiệm xác định học sinh được hỗ trợ học phí và lập danh sách học sinh được hỗ trợ học phí gửi Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức và các quận, huyện hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo (theo phân cấp quản lý) để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán cấp bù cho cơ sở giáo dục.

Riêng năm học 2022 - 2023, các cơ sở giáo dục rà soát, thống kê học phí đã thu của đối tượng được hỗ trợ tại Quy chế này, gửi về Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức và các quận, huyện hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo (theo phân cấp quản lý), để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền đề nghị ngân sách cấp bù và hoàn trả cho học sinh.

1.5. Trách nhiệm của các tổ chức

a) Ban Dân tộc Thành phố

Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp số lượng đối tượng được hỗ trợ từ Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện để báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố và các Bộ, ngành Trung ương định kỳ hàng năm.

b) Sở Giáo dục và Đào tạo

Triển khai việc thực hiện Quy chế này đến các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; đề nghị các cơ sở giáo dục phổ biến chính sách cho phụ huynh, học sinh; thực hiện quy trình hỗ trợ học phí; đảm bảo các đối tượng được hưởng đầy đủ chế độ chính sách theo quy định.

Tổng hợp kinh phí hỗ trợ học phí của học sinh dân tộc Chăm, Khmer; kinh phí hỗ trợ học phí của học sinh người dân tộc thiểu số khác thuộc diện hộ cận nghèo đang học tại các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, gửi Sở Tài chính tổng hợp vào dự toán hằng năm, trình Ủy ban nhân dân Thành phố.

c) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chịu trách nhiệm triển khai hướng dẫn này đến các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố.

d) Sở Tài chính

Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét bố trí kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ trong dự toán chi sự nghiệp giáo dục đào tạo được giao hằng năm của Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện theo quy định.

đ) Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện

Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo phối hợp Phòng Tài chính - Kế hoạch hằng năm tham mưu, rà soát, lập dự toán kinh phí gửi Sở Tài chính bố trí kinh phí vào thời điểm dự toán kinh phí hàng năm; và gửi Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện.

Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn và thông báo các trường thuộc Phòng quản lý, đề nghị trường phổ biến chính sách cho đối tượng được hỗ trợ và thực hiện theo quy trình thực hiện hỗ trợ học phí của Quy chế này.

Chỉ đạo Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và Văn phòng Ủy ban nhân dân các quận, huyện (bộ phận phụ trách công tác dân tộc) phối hợp Phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu và thực hiện chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh dân tộc thiểu số đủ điều kiện được hỗ trợ theo Quy chế này, tổng hợp báo cáo và gửi Ban Dân tộc Thành phố, Sở Giáo dục và Đào tạo theo thời gian quy định như sau:

Học kỳ I: báo cáo kết quả thực hiện hỗ trợ trước tháng 12 hàng năm;

Học kỳ II: báo cáo kết quả thực hiện hỗ trợ trước tháng 5 của năm sau.

Chỉ đạo Ủy ban nhân dân phường/xã/thị trấn phối hợp các đoàn thể, ban điều hành khu phố, ấp, tổ tự quản tuyên truyền chính sách đến hộ dân và các cơ sở tín ngưỡng của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn.

2.6. Thời gian áp dụng

Kể từ năm học 2022 - 2023 và những năm tiếp theo.

Kết quả: Từ năm 2013 đến năm 2022: hỗ trợ miễn học phí cho 13.002 học sinh với tổng số tiền là 11.653.688.000 đồng.

2. Chính sách hỗ trợ chi phí học tập cho học viên cao học và nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số tại Thành phố Hồ Chí Minh

2.1. Căn cứ

Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách hỗ trợ giáo dục đối với trẻ mầm non, học sinh, học viên cao học và nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số tại Thành phố Hồ Chí Minh kể từ năm học 2022 - 2023

Quyết định số 1962/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế phối hợp thực hiện Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách hỗ trợ giáo dục đối với trẻ mầm non, học sinh, học viên cao học và nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số tại Thành phố Hồ Chí Minh kể từ năm học 2022 - 2023.

2.2. Đối tượng hỗ trợ

Học viên cao học và nghiên cứu sinh là người dân tộc Chăm và Khmer thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh đang học tại các viện nghiên cứu, học viện, trường đại học trong cả nước có chức năng đào tạo sau đại học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Học viên cao học và nghiên cứu sinh các dân tộc thiểu số khác thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo của Thành phố đang học tại các viện nghiên cứu, học viện, trường đại học trong cả nước có chức năng đào tạo sau đại học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Chính sách này không áp dụng cho đối tượng được đào tạo ở nước ngoài và đào tạo theo các chương trình liên kết đúng quy định pháp luật về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

2.3. Mức hỗ trợ

60% lương cơ sở và được hưởng không quá 10 tháng/năm học/học viên cao học, nghiên cứu sinh; số năm được hưởng hỗ trợ chi phí học tập trong thời gian đào tạo chính thức theo khung thời gian đào tạo tiêu chuẩn trình độ thạc sĩ, tiến sĩ do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

2.4. Quy trình thực hiện

a) Hằng năm, vào đầu học kỳ của mỗi khóa học, Ban Dân tộc Thành phố tham mưu văn bản trình Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai chính sách này đến Hội đồng Hiệu trưởng các Trường Đại học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó đề nghị Hiệu trưởng các Trường Đại học thông tin chính sách đến học viên cao học và nghiên cứu sinh người dân tộc thiểu số đang học tại trường; rà soát và lập danh sách học viên cao học và nghiên cứu sinh người dân tộc thiểu số đang

học tại cơ sở theo mẫu (*đính kèm*) gửi về Ban Dân tộc Thành phố vào cuối tháng 3 và tháng 10; yêu cầu học viên thông báo cho trường về việc nghỉ học (nếu có).

Đối với các trường không có đối tượng hỗ trợ theo khoản 1 Điều 4 quy chế này vẫn gửi văn bản về Ban Dân tộc Thành phố để cập nhật và kịp thời hướng dẫn khi có học viên khiếu nại chưa nhận được hỗ trợ.

b) Trong 3 ngày làm việc, sau khi tiếp nhận đầy đủ danh sách từ các trường, Ban Dân tộc Thành phố gửi danh sách về Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện để thẩm định và xác nhận về đối tượng hỗ trợ, nơi cư trú, hộ nghèo/hộ cận nghèo.

c) Trong 10 ngày làm việc, sau khi tiếp nhận danh sách của Ban Dân tộc Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện chịu trách nhiệm thẩm định, xác nhận danh sách và gửi về Ban Dân tộc Thành phố.

d) Trong 10 ngày làm việc, sau khi tiếp nhận danh sách từ Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện, Ban Dân tộc Thành phố phê duyệt danh sách và thực hiện chi trả hỗ trợ qua thẻ ATM. Trong đó, có 5 ngày Ban Dân tộc Thành phố hoàn tất thủ tục hồ sơ chi hỗ trợ gửi Kho bạc nhà nước và liên hệ đối tượng hỗ trợ để cung cấp thông tin để chuyển khoản và 5 ngày Kho bạc nhà nước xét duyệt hồ sơ và thực hiện lệnh chi.

2.5. Quy định về việc chi hỗ trợ và dừng cấp chi phí hỗ trợ

a) Quy định về chi hỗ trợ

Thời gian cấp kinh phí hỗ trợ chi phí học tập thực hiện 2 lần trong năm học: lần 1 cấp cho 5 tháng vào tháng 12 hàng năm; lần 2 cấp cho 5 tháng vào tháng 5 năm sau. Trường hợp học viên chưa được nhận chế độ theo thời hạn quy định thì được truy lĩnh trong lần chi trả tiếp theo.

Đối với năm học 2022 - 2023, việc thực hiện chi trả hỗ trợ vào tháng 7 năm 2023.

Ban Dân tộc Thành phố có trách nhiệm thông báo công khai về thời gian chi trả kinh phí hỗ trợ chi phí học tập cho học viên để thuận tiện cho học viên được nhận chế độ chính sách theo đúng quy định.

b) Quy định về dừng cấp kinh phí và trách nhiệm của học viên cao học, nghiên cứu sinh được hỗ trợ chính sách

Ban Dân tộc Thành phố căn cứ vào xác nhận của các trường để thực hiện dừng việc hỗ trợ chính sách trong các trường hợp sau:

Học viên cao học và nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số bỏ học hoặc bị kỷ luật buộc thôi học thì không được nhận kinh phí hỗ trợ chi phí học tập kể từ thời điểm bỏ học hoặc Quyết định kỷ luật có hiệu lực. Trường hợp học viên cao học và nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số đã nhận kinh phí hỗ trợ chi phí học tập mà bỏ học hoặc bị kỷ luật buộc thôi học thì cơ quan quản lý và thực hiện chính sách (Ban Dân tộc Thành phố) sẽ dừng thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ chi phí học tập vào kỳ học tiếp theo.

Học viên cao học và nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số bị đình chỉ học tập (có thời hạn) thì không được nhận kinh phí hỗ trợ chi phí học tập trong thời gian bị đình chỉ, trừ trường hợp dừng học do ốm đau, tai nạn, học lại, lưu ban hoặc dừng học vì lý do khách quan được nhà trường xác nhận. Trường hợp học viên cao học và nghiên cứu sinh người dân tộc thiểu số đã nhận kinh phí hỗ trợ chi phí học tập mà bị đình chỉ học tập thì Ban Dân tộc Thành phố thực hiện khấu trừ số tiền tương ứng với số tháng bị đình chỉ học tập vào năm học tiếp theo sau khi học viên cao học, nghiên cứu sinh nhập học lại.

Học viên cao học và nghiên cứu sinh người dân tộc thiểu số chấp hành các quy định của pháp luật, nội quy, quy chế của nhà trường; tham gia tích cực các hoạt động xã hội do địa phương phát động; thông báo cho nhà trường khi thôi học; nếu học viên, nghiên cứu sinh nghỉ học mà không thông báo cho trường thì sẽ chịu trách nhiệm hoàn trả kinh phí đã được hỗ trợ trong thời gian đã nghỉ học.

2.6. Trách nhiệm của các tổ chức

a) Ban Dân tộc Thành phố

Chịu trách nhiệm tham mưu văn bản trình Ủy ban nhân dân Thành phố thông qua Hội đồng Hiệu trưởng các trường đại học trên địa bàn Thành phố triển khai và chỉ đạo chính sách này đến các trường đại học có chức năng đào tạo sau đại học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo để thực hiện các nội dung theo điểm a khoản 3 Điều 4 của quy chế này.

Chịu trách nhiệm quản lý và cấp phát kinh phí hỗ trợ cho đối tượng hỗ trợ và quyết toán theo quy định.

Căn cứ mức hỗ trợ và số lượng đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập để lập danh sách, tổng hợp, xây dựng dự toán kinh phí thực hiện chế độ và tổng hợp chung vào dự toán thu chi ngân sách hàng năm của cơ quan gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét phê duyệt.

Tổng hợp, đề xuất sửa đổi, bổ sung, giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện; thường xuyên giữ mối liên hệ với địa phương, gia đình và nhà trường để theo dõi tình hình và kết quả học tập của học viên.

Tổng hợp, đánh giá và báo cáo tình hình thực hiện chính sách cho Ủy ban nhân dân Thành phố và các Bộ, ngành định kỳ hằng năm.

b) Sở Tài chính

Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, bố trí dự toán kinh phí để thực hiện chế độ hỗ trợ này theo quy định.

c) Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện

Chỉ đạo Ủy ban nhân dân phường/xã/thị trấn thực hiện thông tin, tuyên truyền chính sách đến người dân, nhất là địa bàn có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống và các cơ sở tín ngưỡng của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn.

Trong vòng 10 ngày, sau khi nhận được văn bản đề nghị của Ban Dân tộc Thành phố về thẩm định danh sách đối tượng được hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều 4, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện chịu trách nhiệm kiểm tra, rà soát, đối chiếu và phản hồi kết quả thẩm định về Ban Dân tộc Thành phố bằng văn bản.

2.7. Thời gian áp dụng

Kể từ năm học 2022 - 2023 và những năm tiếp theo.

Kết quả: Từ năm 2016 đến nay: hỗ trợ chi phí học tập cho 18 học viên, số tiền là 152.480.000 đồng.

3. Chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên người DTTS là thành viên hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2021-2025

3.1. Căn cứ:

Quyết định số 1291/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt Chương trình Giảm nghèo bền vững Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025;

Hướng dẫn liên tịch số 02/HDLT/BDT-SLĐTBXH ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Ban Dân tộc Thành phố và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố về thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025 đang học tại các cơ sở giáo dục đại học;

3.2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Áp dụng đối với sinh viên người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021 - 2025 (có mã số hộ nghèo, hộ cận nghèo): Thi đỗ vào học đại học, cao đẳng hệ chính quy tại các cơ sở giáo dục đại học, bao gồm: học viện, trường đại học, trường cao đẳng.

- Không áp dụng đối với sinh viên: Cử tuyển, các đối tượng chính sách được xét tuyển, đào tạo theo địa chỉ, đào tạo liên thông, văn bằng hai và học đại học, cao đẳng sau khi hoàn thành chương trình dự bị đại học; sinh viên các cơ sở giáo dục đại học thuộc khối quốc phòng, an ninh; sinh viên đã được hỗ trợ theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm.

3.3. Điều kiện hưởng chính sách

Để được hưởng chính sách hỗ trợ chi phí học tập, sinh viên phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025 (có mã số hộ nghèo, hộ cận nghèo);

b) Thi đỗ vào học đại học, cao đẳng hệ chính quy tại các cơ sở giáo dục đại học, bao gồm: Đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng tại năm tham dự tuyển sinh theo đúng quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng.

3.4. Mức hỗ trợ

Mức hỗ trợ chi phí học tập: Bằng 60% mức lương cơ sở và được hưởng không quá 10 tháng/năm học/sinh viên; số năm được hưởng hỗ trợ chi phí học tập theo thời gian đào tạo chính thức.

3.5. Về trình tự, thủ tục và hồ sơ

a) Trong vòng 30 ngày kể từ khi bắt đầu mỗi năm học của khóa học, các cơ sở giáo dục đại học công lập và ngoài công lập thông báo cho sinh viên học tại cơ sở giáo dục về chính sách hỗ trợ chi phí học tập. Sinh viên nộp một bộ hồ sơ cho Phòng Lao động- Thương binh và Xã hội (Thường trực Ban Giám nghèo bền vững) quận, huyện và thành phố Thủ Đức hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập của sinh viên và có xác nhận của Hiệu trưởng cơ sở giáo dục đại học (*mẫu đơn theo Phụ lục I đính kèm*);

- Giấy chứng nhận sinh viên thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp (*đính kèm Mẫu 1.14- Giấy chứng nhận (CPHT)*).

- Giấy khai sinh (bản sao);

b) Đối với sinh viên chưa thuộc diện hỗ trợ chi phí học tập, nếu trong năm học, gia đình sinh viên được bổ sung diện hộ nghèo và hộ cận nghèo thì nộp hồ sơ bổ sung đối tượng hưởng chính sách làm căn cứ chi trả chi phí học tập trong kỳ tiếp theo. Thời gian được hưởng theo hiệu lực của Giấy chứng nhận sinh viên thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo.

c) Trường hợp trong quá trình học tập, sinh viên thuộc đối tượng được hưởng chế độ hỗ trợ chi phí học tập không nộp đơn đề nghị kèm theo đầy đủ các giấy tờ cần thiết theo quy định thì chỉ được chi trả chi phí học tập tính từ ngày Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội (Thường trực Ban Giám nghèo bền vững) nhận được đầy đủ hồ sơ đến khi kết thúc khóa học và không được giải quyết truy lĩnh tiền hỗ trợ chi phí học tập đối với thời gian đã học từ trước thời điểm sinh viên gửi hồ sơ đề nghị kèm theo các giấy tờ cần thiết có liên quan.

3.6. Thẩm định hồ sơ

a) Cơ sở giáo dục đại học công lập và ngoài công lập:

- Trong vòng 10 ngày kể từ khi nhận được đơn đề nghị của sinh viên, cơ sở giáo dục đại học công lập và ngoài công lập có trách nhiệm xác nhận vào đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên thuộc chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo Thành phố Hồ Chí Minh. Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung ghi trên giấy xác nhận của sinh viên.

- Hướng dẫn sinh viên nộp hồ sơ về Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội (Thường trực Ban Giám nghèo bền vững) quận, huyện và thành phố Thủ Đức nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú, tạm trú ổn định trên sáu tháng.

b) Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội (Thường trực Ban Giám nghèo bền vững) quận, huyện và thành phố Thủ Đức:

Có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ hỗ trợ chi phí học tập của sinh viên nộp (sau khi có xác nhận đầy đủ trên đơn) thẩm định, phê duyệt danh sách đối tượng được hưởng chính sách và xây dựng dự toán kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên gửi cơ quan tài chính cùng cấp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3.7. Phương thức chi trả kinh phí

a. Phòng Lao động-Thương binh Và Xã hội (Thường trực Ban Giảm nghèo bền vững) nơi sinh viên có cư trú ổn định trên sáu tháng chịu trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện chi trả hỗ trợ chi phí học tập trực tiếp bằng tiền mặt cho sinh viên. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội (Thường trực Ban Giảm nghèo bền vững) có trách nhiệm thông báo cho người học được biết trong vòng 3 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ.

b. Thời gian cấp kinh phí hỗ trợ chi phí học tập được thực hiện 2 lần trong năm học: lần 1 cấp cho 5 tháng vào tháng 10 hoặc tháng 11 hàng năm; lần 2 cấp cho 5 tháng vào tháng 3 hoặc tháng 4 năm sau. Trường hợp sinh viên chưa được nhận chế độ theo thời hạn quy định thì được truy lĩnh trong lần chi trả tiếp theo.

c. Cơ quan thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên có trách nhiệm thông báo công khai về thủ tục, thời gian chi trả kinh phí hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên để thuận tiện cho sinh viên được nhận chế độ chính sách theo đúng quy định.

Kết quả: Từ 2014 đến 2022, qua 08 năm thực hiện đã hỗ trợ được 984 sinh viên dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo với tổng kinh phí 4.684.870.000 đồng

4. Chính sách hỗ trợ lãi suất cho đồng bào dân tộc thiểu số có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (theo Quyết định số 2904/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

4.1. Đối tượng được hỗ trợ: là lao động người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo Thành phố (có mã số hộ nghèo, hộ cận nghèo của Thành phố theo từng giai đoạn).

4.2. Thủ tục: Đơn xin vay vốn theo mẫu quy định của đơn vị hỗ trợ vay vốn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn về mã số hộ nghèo, hộ cận nghèo của thành phố và các hồ sơ khác theo quy định của đơn vị hỗ trợ vốn vay (nếu có).

4.3. Mức vay: Tùy theo phương án sử dụng vốn vay để tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của từng thành viên, mức vay tối đa không quá 50 triệu đồng/hộ.

4.4. Nguồn vốn cho vay và hỗ trợ lãi suất: hộ nghèo, hộ cận nghèo người dân tộc thiểu số được vay từ các nguồn vốn cho vay ưu đãi trên địa bàn thành phố (Quỹ xóa đói giảm nghèo, Ngân hàng Chính sách xã hội, Hội Nông dân thành phố,

Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố, Liên đoàn Lao động thành phố...) được ngân sách thành phố hỗ trợ cấp bù lãi suất 04%/ năm.

4.5. Thời gian thực hiện: Từ ngày 01 tháng 8 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Kết quả: số hộ vay được hỗ trợ lãi suất là 1.092 hộ nghèo và cận nghèo, số tiền đề nghị hỗ trợ lãi suất năm 2019 (tháng 8,9) là 179.779.835 đồng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của Ban Dân tộc được Ủy ban nhân dân Thành phố giao năm 2019. Hiện nay, Ban Dân tộc Thành phố khẩn trương phối hợp các sở ngành liên quan để thực hiện quy trình nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất cho đồng bào dân tộc thiểu số có hoàn cảnh khó khăn, dự kiến số kinh phí thực hiện chính sách giai đoạn 2021-2025 dự kiến là 7.585.406.276 đồng.

5. Các chính sách khác:

5.1. Chính sách hỗ trợ giáo viên tiếng Hoa, tiếng Khmer, tiếng Chăm giảng dạy tại cộng đồng dân tộc.

Ngân sách Thành phố chi hỗ trợ hàng tháng cho 50 giáo viên, mỗi tháng được hỗ trợ bằng 0,5 mức lương tối thiểu.

Kết quả: Từ năm 2013 đến nay, Ban Dân tộc đã triển khai và thực hiện hỗ trợ cho hơn 450 lượt giáo viên với tổng số tiền 3.434.775.000 đồng

5.2. Chính sách đối với người có uy tín trong cộng đồng dân tộc thiểu số.

- Cung cấp tài liệu thông tin (báo, báo cáo thời sự định kỳ 6 tháng)
- Thăm hỏi động viên tinh thần dịp tết nguyên đán, tết dân tộc.
- Thăm hỏi khi NCUT bị đau ốm
- Trợ cấp đột xuất các trường hợp thiên tai.

Kết quả : Từ năm 2014 đến nay, Ban Dân tộc đã triển khai và thực hiện theo kế hoạch, nguồn kinh phí được giao với tổng kinh phí thực hiện chính sách đối với người có uy tín là 25.394.693.099 đồng.

5.3. Quyết định số 1291/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt Chương trình Giảm nghèo bền vững Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025

Quyết định đề ra **12 nhóm chính sách và 21 giải pháp** giảm nghèo:

1. Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh dịch vụ, đa dạng hoá sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo;
2. Chính sách giải quyết việc làm ngoài nước (hỗ trợ cho thành viên hộ nghèo, hộ cận nghèo đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài);
3. Chính sách giải quyết việc làm trong nước;
4. Chính sách nâng cao dinh dưỡng, cải thiện thể chất con người;
5. Chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế;
6. Chính sách hỗ trợ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập;
7. Chính sách hỗ trợ học nghề;
8. Chính sách hỗ trợ bảo hiểm xã hội;
9. Chính sách hỗ trợ nhà ở;
10. Chính sách hỗ trợ tiếp cận nguồn nước sinh hoạt an toàn;
11. Chính sách trợ giúp xã hội;
12. Chính sách trợ giúp pháp lý

- Ngoài ra, tại các quận huyện, thành phố Thủ Đức tổ chức các hoạt động thăm động viên gia đình DTTS có hoàn cảnh khó khăn nhân các ngày lễ, tết của đất nước: Nhân ngày học sinh, sinh viên (9/1); Nhân Tết Nguyên đán; Nhân Tết Chol Chnam Thmay; Nhân tháng chay Ramadan; Nhân tháng Công nhân (1/5); Nhân ngày thành lập Hội LHPN (20/10); Nhân Tết Trung thu; Nhân ngày Nhà giáo; Nhân ngày Quân đội nhân dân Việt Nam 22/12; Khích lệ, động viên, ghi nhận đóng góp của các bậc cao niên, trí thức, văn, nghệ sĩ như các ngày Thầy thuốc VN(27/2), ngày Văn hóa các dân tộc (19/4), ngày Quốc tế người cao tuổi (1/10).

6. Tổ chức thực hiện chính sách dân tộc

- Quan tâm việc phối hợp đồng bộ giữa các ngành, các cấp trên cơ sở phân công phân nhiệm hợp lý

- Quan tâm đánh giá kết quả tổ chức thực hiện, rút kinh nghiệm trong tổ chức thực hiện./.

THẢO LUẬN, ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Đề xuất các chính sách đặc thù giai đoạn 2021 - 2025 cần quan tâm nội dung nào?
- Những vấn đề cần lưu ý khi triển khai thực hiện chính sách dân tộc tại địa phương?
- Tình hình thực hiện chính sách dân tộc tại địa phương anh chị? Đề xuất, kiến nghị chính sách khác (nếu có)?